Mô hình USECASE

# Mục lục

[1 Mục lục 1](#_Toc331622674)

[2 Tổng quan 2](#_Toc331622675)

[3 Mô hình Use Case 2](#_Toc331622676)

[3.1 Danh sách Use Case 2](#_Toc331622677)

[3.2 Actor 4](#_Toc331622678)

[3.2.1 User 4](#_Toc331622679)

[3.2.2 Registered User 4](#_Toc331622680)

[3.2.3 Seller 4](#_Toc331622681)

[3.2.4 Buyer 5](#_Toc331622682)

[3.2.5 Admin 5](#_Toc331622683)

[4 Đặc tả Usecase 6](#_Toc331622684)

[4.1 Product module 7](#_Toc331622685)

[4.1.1 Add new product 7](#_Toc331622686)

[4.1.2 View product detail 9](#_Toc331622687)

[4.1.3 Places bid 9](#_Toc331622688)

[4.1.4 View products 10](#_Toc331622689)

[4.1.5 View own trading history 11](#_Toc331622690)

[4.1.6 View own product 12](#_Toc331622691)

[4.2 User module 13](#_Toc331622692)

[4.2.1 Create account 13](#_Toc331622693)

[4.2.2 Login 15](#_Toc331622694)

[4.2.3 Feed Back 16](#_Toc331622695)

[4.3 Admin module 17](#_Toc331622696)

[4.3.1 Configure System 17](#_Toc331622697)

[4.3.2 Manage Genre 18](#_Toc331622698)

# Tổng quan

# Các định nghĩa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Up | Là đơn vị được tính cho số chỗ sản phẩm được đặt trên một shop |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

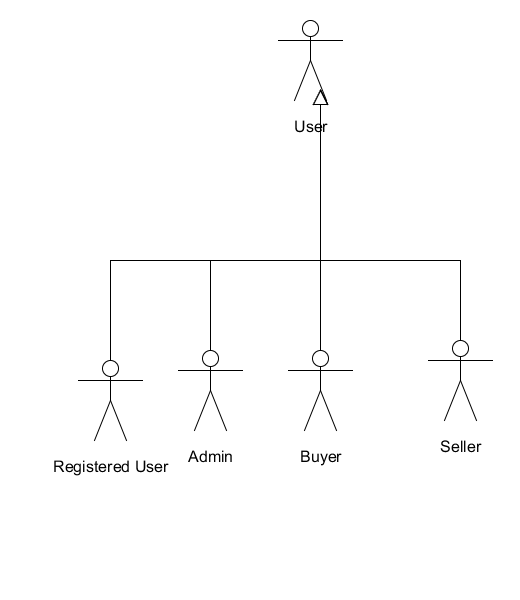
# Mô hình Use Case

Hình 1: Mô hình Usecase

## Danh sách Use Case

| Tên Usecase | Mã UseCase |
| --- | --- |
|  |  |
| Login | [UC\_C01](#_Login) |
| Logout | UC\_C02 |
| Create account | [UC\_C03](#_Create_account) |
| Get back password | UC\_C04 |
| Search product | UC\_C05 |
| View product detail | [UC\_C06](#_View_product_detail) |
| View products | [UC\_C07](#_View_products) |
| Embed product | UC\_C08 |
| Manage profile | UC\_C09 |
| Feed Back | [UC\_C10](#_Feed_Back) |
| Add new product | [UC\_C11](#UC_C11) |
| View own product | UC\_C13 |
| Places bid | [UC\_C14](#_Places_bid) |
| View own trading history | [UC\_C15](#_View_own_trading) |
| User Manager | UC\_C16 |
| Manage Genre | [UC\_C17](#_Manage_Genre_1) |
| View trading history | UC\_C18 |
| Configure system | [UC\_C19](#_Configure_System_1) |
| Create a shop | [UC\_C20](#_Create_a_shop) |
| View shop | UC\_C21 |
| Manage shop | [UC\_C22](#_Manage_shop) |

## Actor



Hình 2: Danh sách Actor

### User

Người dùng đến xem website và sản phẩm đang trưng bày, đấu giá.

### Registered User

Thành viên của hệ thống: có tài khoản và có quyền tương ứng.

### Seller

Người trưng bày sản phẩm và cho phép Người mua đấu giá sản phẩm đó.

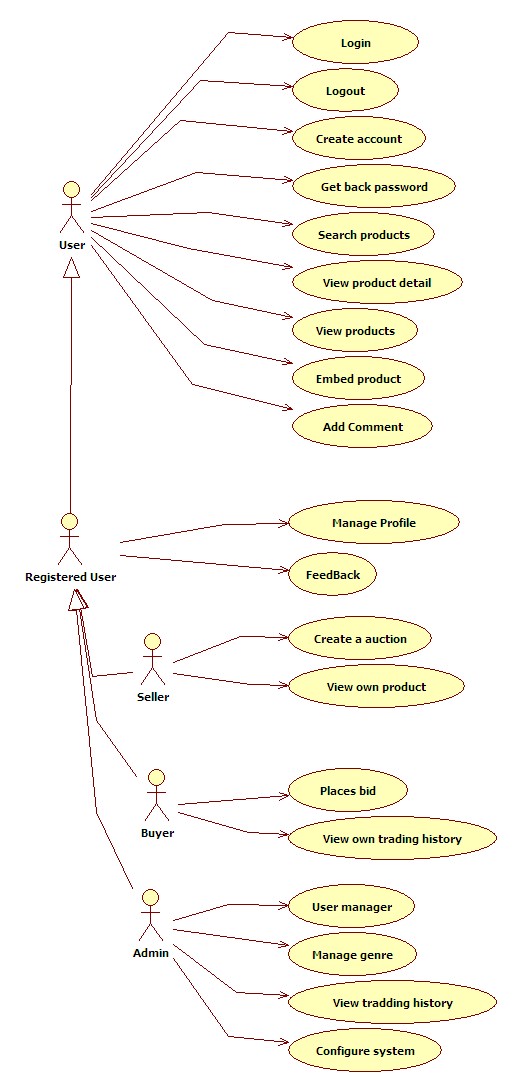
### Buyer

Người tham gia đấu giá

### Admin

Người quản trị toàn hệ thống.

# Đặc tả Usecase



Hình 3: Lược đồ Usecase

## Product module

### Add new product

#### Ký hiệu UC\_C11

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Seller đưa sản phẩm của họ lên sàn đấu giá.

#### Actor: Seller

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Seller muốn đăng sản phẩm mình để cho các thành viên khác đấu giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Seller** | **Hệ thống** |
| 1. Seller chọn chức năng Đăng sản phẩm |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng sản phẩm cho Seller điền thông tin: thể loại sản phẩm, tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. |
| 1. Seller điền đầy đủ thông tin và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin Seller đã điền vào. (VD: thời gian bắt đầu đấu giá phải sau thời gian hiện tại).  Hệ thống lưu thông tin vào kho hàng Seller. |
|  | 1. Hệ thống cho phép Seller mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, thông tin liên hệ. |
| 1. Seller mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, chi tiết liên lạc và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống lưu thông tin vào kho hàng của Seller |
| 1. Seller đồng ý đã hoàn tất quá trình điền và mô tả thông tin sản phẩm. |  |
|  | 1. Hệ thống cho phép Seller lựa chọn hình thức thanh toán. |
| 1. Seller chọn hình thức thanh toán. |  |
|  | 1. Hệ thống tạo hóa đơn giao dịch bao gồm các thông tin: mã hóa đơn, tên sản phẩm/dịch vụ, đơn giá, số lượng, tổng thành tiền, họ và tên Seller, tên tài khoản Seller trong Hệ thống, Hình thức thanh toán.   Hiển thị hóa đơn cho Seller xem.  Đề nghị Seller thanh toán hóa đơn trên trong vòng 7 ngày. |
| 1. Seller thanh toán hóa đơn |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra, xử lý hóa đơn: đăng sản phẩm theo thời gian mà seller yêu cầu. 2. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Sau 7 ngày Seller chưa thanh toán hóa đơn | Hệ thống hủy hóa đơn, và gửi thông báo cho Seller. |
| Ngày đăng sản phẩm theo yêu cầu Seller trước ngày thanh toán. | Hệ thống chỉ đăng sản phẩm sau khi Seller đã thanh toán Hóa đơn.  Hệ thống sẽ đăng sản phẩm ngay sau khi Seller thanh toán, và cộng thêm thời gian đấu giá. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Seller đăng sản phẩm thành công. Hệ thống đăng sản phẩm và cho các thành viên khác tham gia đấu giá vào đúng thời gian seller yêu cầu.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View product detail

#### Ký hiệu UC\_C06

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người dùng.

#### Actor: Người dùng

#### Điều kiện tiên quyết:

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Người dùng chọn xem bất kỳ một sản phẩm trong list sản phẩm trên trang web

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Mua** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm. Gồm các thông tin... |
|  | 1. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Người Mua chọn sản phẩm khác | Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm Người Mua chọn. |
| Bid mà Người Mua đưa ra thấp hơn giá hiện tại. | Hệ thống thông báo cho Người Mua việc đặt bid của Người Mua không thành công. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: người dùng có thể xem thông tin chi tiết sản phẩm.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Places bid

#### Ký hiệu UC\_C19

#### Tóm tắt

Usecase mô tả hành động đấu giá sản phẩm, bao gồm thanh toán sản phẩm, giao hàng.

#### Actor: Buyer

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Buyer đăng nhập hệ thống
2. Buyer chọn sản phẩm muốn tham gia đấu giá, xem chi tiết sản phẩm.
3. Buyer đặt bid.
4. Hệ thống cập nhật bid dưới hệ thống.
5. Hệ thống cập nhật danh sách lượt tham gia đấu giá.
6. Hệ thống ghi lược sử Buyer tham gia đấu giá sản phẩm này: Sản phẩm, ngày giờ phút giây, bid.
7. Hệ thống cập nhật lên giao diện.
8. Buyer theo dõi cuộc đấu giá.
9. Hết thời gian đấu giá. Hệ thống sẽ gửi mail thông báo nếu Buyer chiến thắng trong phiên đấu giá này.
10. Hệ thống gửi mail cho seller, lưu lại thông tin lịch sử đấu giá gồm danh sách người đã tham gia đấu giá, số tiền thắng cuộc.
11. Quá trình thanh toán là sự thỏa thuận giữa buyer và seller.

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase seller bán được sản phẩm. Buyer mua được sản phẩm

#### Điểm mở rộng: không có.

### View products

#### Ký hiệu UC\_C07

#### Tóm tắt

Usecase mô tả các cách thể hiện danh sách các sản phẩm lên trang web để giới thiệu cho người xem.

#### Actor: All

#### Điều kiện tiên quyết:

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi user mở trang chủ của web, hoặc mở các thể loại của trang web.

1. Hệ thống xử lý hiện danh sách các sản phẩm:

* Đang đấu giá “hot” dựa vào tiêu chí đang có nhiều người tham gia đặt bid nhất, giới hạn trang có 10 sản phẩm.
* Sản phẩm mới chuẩn bị đưa lên sàn, tiêu chí chọn lọc là các sản phẩm chuẩn bị được đưa ra đấu giá còn cách một tiếng đồng hồ.
* Sản phẩm sắp kết thúc đấu giá, tiêu chí chọn lọc là những sản phẩm còn một tiếng là kết thúc đấu giá.
* Sản phẩm tương tự, chỉ hiện trên trang chi tiết sản phẩm với tiêu chí lựa chọn là các sản phẩm có cùng thể loại với sản phẩm được xem.
* Sản phẩm cùng seller, chỉ hiện trên trang chi tiết sản phẩm với tiêu chí lựa chọn là các sản phẩm có cùng seller với sản phẩm được xem.
* Sản phẩm người xem đã xem qua, lưu lại dưới hình thức cookie hoặc localStore (html5), mỗi lần user vào trang chủ sẽ hiển thị danh sách 10 sản phẩm đã xem gần đây nhất.

Các quy định thời gian cho các mục “Sản phẩm mới chuẩn bị đưa lên sàn”, “Sản phẩm sắp kết thúc đấu giá” sẽ được thay đổi bởi usecase [*Configure System*](#_Configure_System)

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được menu, thay đổi được thông tin email ngân lượng và email hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View own trading history

#### Ký hiệu UC\_C15

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc hiển thị lược sử giao dịch cho buyer trong vòng 6 tháng gần đây. (tức là tính 6 tháng từ ngày hiện hành) sau đó thì hệ thống có quyền xóa toàn bộ lược sử này và sau này không giải quyết vấn đề cập nhật hay xem lại.

#### Actor: Buyer

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Usecase bắt đầu khi người dùng chọn lên menu chức năng Xem lịch sửa giao dịch.
2. Hệ thống hiển thị lên danh sách sản phẩm buyer đã tham gia đấu giá, chi tiết các lần đặt bid, thời gian đặt bid, kết quả đấu giá thành công hay không.

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase người dùng có thể biết được các thông tin đã giao dịch trong vòng sáu tháng trước.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View own product

#### Ký hiệu UC\_C15

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc quản lý sản phẩm đã đăng,dành cho seller để xem lại thông tin các sản phẩm đã add, buôn bán ra sao.

#### Actor: Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Seller chọn chức năng “Quản lý sản phẩm” và chọn quản lý “Sản phẩm chưa đấu giá”
2. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm chưa đấu giá, bao gồm các thông tin sau: mã sản phẩm, tên sản phẩm, shop chứa sản phẩm, ngày đăng sản phẩm, thời điểm sản phẩm lên sàn.
3. Seller chọn sản phẩm
4. Hệ thống hiển thị thông tin về sản phẩm: mã sản phẩm, ngày đăng, shop chứa sản phẩm.
5. Hệ thống hiển thị và cho phép Seller thay đổi thông tin về sản phẩm, bao gồm: categories chứa sản phẩm, tên sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, khu vực bán, hình đại diện sản phẩm, hình sản phẩm, mô tả chi tiết sản phẩm, thông tin liên hệ và hướng dẫn thanh toán.
6. Seller thay đổi và chọn lưu
7. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin Seller vừa nhập vào và lưu thông tin xuống CSDL.
8. Seller chọn chức năng quản lý “Sản phẩm đang đấu giá”
9. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm đang đấu giá, bao gồm các thông tin sau: mã sản phẩm, tên sản phẩm, shop chứa sản phẩm, ngày đăng sản phẩm, danh sách Buyer đang tham gia đấu giá sản phẩm.
10. Hệ thống cho Seller hai chọn lựa: xem, sửa thông tin sản phẩm và xem danh sách Buyer
11. Seller chọn “xem, sửa thông tin sản phẩm”
12. Hệ thống cho phép Seller xem các thông tin sau: mã sản phẩm, ngày đăng, shop chứa sản phẩm, categories chứa sản phẩm, tên sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, khu vực bán, hình đại diện, danh sách hình sản phẩm, mô tả chi tiết sản phẩm, thông tin liên lạc và hướng dẫn thanh toán.
13. Hệ thống hiển thị và cho phép Seller thay đổi thời gian kết thúc đấu giá.
14. Seller thay đổi thông tin và chọn lưu
15. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin Seller vừa thay đổi, lưu xuống CSDL
16. Seller chọn xem “danh sách Buyer” của “sản phẩm đang đấu giá”
17. Hệ thống hiển thị thông tin: số lượt người xem sản phẩm, số lượt Buyer đặt giá sản phẩm, số người tham gia đấu giá.
18. Hệ thống hiển thị danh sách lượt Buyer đặt bid, bao gồm các thông tin: tên tài khoản thành viên, điểm uy tín của thành viên, giá đặt, thời gian đặt giá.
19. Seller chọn chức năng quản lý “Sản phẩm đã đấu giá xong”
20. Hệ thống hiển thị hai danh sánh: “danh sách chờ Seller Đánh Giá” và “danh sách tất cả sản phẩm đã đấu giá xong”.
21. “Danh sách sản phẩm chờ Seller Đánh giá Buyer” bao gồm các thông tin: mã sản phẩm, tên sản phẩm, shop chứa sản phẩm, thời điểm kết thúc đấu giá, chức năng xem danh sách Buyer đã tham gia đấu giá chờ Seller Đánh giá.
22. “Danh sách tất cả các sản phẩm đã đấu giá xong” bao gồm các thông tin: mã sản phẩm, shop chứa sản phẩm, thời điểm kết thúc đấu giá, chức năng xem danh sách Buyer đã tham gia đấu giá.
23. Seller chọn chức năng xem danh sách Buyer trong “Danh sách sản phẩm chờ Seller Đánh giá Buyer” trong phần quản lý “Sản phẩm đã đấu giá xong”
24. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm: ảnh sản phẩm, tên sản phẩm, shop chứa sản phẩm, khu vực bán, giá khởi điểm, bước giá, giá bán ngay.
25. Hệ thống hiển thị thông tin phiên đấu giá: thời gian kết thúc, giá cuối cùng được đặt, số lượt người vào xem sản phẩm, số lượt đặt bid, số người tham gia đặt bid.
26. Hệ thống hiển thị danh sách Buyer muốn mua sản phẩm ngay, bao gồm các thông tin: thành viên muốn mua ngay sản phẩm, giá Buyer muốn mua ngay, thời gian đặt giá, chức năng cho phép Đánh Giá Buyer.
27. Hệ thống hiển thị danh sách mười người đặt giá cao nhất, bao gồm các thông tin: thành viên tham gia đấu giá, giá đấu, thời gian đặt giá, chức năng cho phép Đánh Giá Buyer.
28. Hệ thống hiển thị toàn bộ lược sử đặt giá, bao gồm các thông tin: thành viên tham gia đấu giá, giá đấu, thời gian đặt giá.
29. Hệ thống chỉ cho phép Seller Đánh Giá một Buyer.
30. Seller xem các thông tin trên và chọn một Buyer để Đánh Giá
31. Hệ thống thực hiện usecase Feedback.
32. Seller chọn chức năng xem danh sách Buyer trong “Danh sách tất cả các sản phẩm đã đấu giá xong” trong phần quản lý “Sản phẩm đã đấu giá xong”
33. Hệ thống hiển thị danh sách Buyer muốn mua sản phẩm ngay, bao gồm các thông tin: thành viên muốn mua ngay sản phẩm, giá Buyer muốn mua ngay, thời gian đặt giá.
34. Hệ thống hiển thị toàn bộ lược sử đặt giá, bao gồm các thông tin: thành viên tham gia đấu giá, giá đấu, thời gian đặt giá.

#### Dòng sự kiện phụ

Seller chỉnh sửa thông tin sản phẩm.Điều kiện để thực hiện dòng sự kiện phụ này là sản phẩm chưa được đưa lên sàn.

1. Seller chọn edit sản phẩm
2. Hệ thống hiển thị tất cả thông tin sp: thể loại sản phẩm, tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc lên giao diện cho phép seller chỉnh sửa.
3. Seller chỉnh sửa và chọn chức năng cập nhật. Hệ thống cập nhật thông tin.
4. Sau 7 ngày Seller chưa thanh toán hóa đơn, hệ thống hủy sản phẩm khỏi hệ thống và khỏi danh sách sản phẩm đăng.

Bắt đầu từ lúc sản phẩm được đưa lên sàn, Seller không được sửa thông tin về sản phẩm nữa.

Seller xem cuộc đấu giá của sản phẩm. Đó là đi đến giao diện chi tiết sản phẩm.

1. Trên danh sách các sản phẩm đã tạo, seller chọn nút “link auction”
2. Hệ thống chuyển đến trang chi tiết sản phẩm, tại trang này sẽ hiển thị chi tiết cuộc đấu giá và danh sách người tham gia.

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase người dùng có thể biết được các thông tin đã giao dịch trong vòng sáu tháng trước.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Create a shop

#### Ký hiệu UC\_C20

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc Seller tạo một cửa hàng để đưa các sản phẩm của mình và để có một khu vực riêng để trưng bày các sản phẩm của họ.

#### Actor: Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Seller chọn chức năng mở shop trong phần quản lý profile.
2. Hệ thống hiển thị form để nhập gồm
   1. Basic info: tên shop, hình đại diện (kích thước 100x100 không quá 3Mb) , Địa chỉ, Tỉnh thành, Quận huyện, Điện thoại, nick yahoo, nick skype, Email, khu vực bán.
   2. More info: Slogan, Thông tin liên hệ và hướng dẫn.
3. Seller nhập các thông tin trên, và chọn chấp nhận.
4. Hệ thống kiểm tra các thông tin sau bắt buộc phải có: tên shop, địa chỉ cửa hàng, tỉnh/thành, quận/huyện, điện thoại, email, khu vực bán.
   1. Điện thoại và email phải hợp lệ.
   2. Tên shop không được giống Ban Quản Trị hệ thống.
   3. Tên shop chỉ bao gồm các ký tự là chữ cái hoặc số, dấu chấm, khoảng trắng, gạch dưới , không được có các ký tự đặc biệt.
   4. Tên shop không phản cảm, không có nội dung bậy bạ (kể cả tiếng Anh, tiếng lóng).
   5. Hệ thống lưu thông tin xuống CSDL.
5. Hệ thống cho phép Seller tải từ 1-5 tấm hình có kích thước theo chuẩn hệ thống đưa ra để làm banner quảng cáo cho shop.
6. Seller chọn lựa hình thức thanh toán và đồng ý Mở Shop.
7. Hệ thống tạo hóa đơn cho giao dịch “Mở Shop” bao gồm các thông tin: tên sản phẩm/dịch vụ, đơn giá, số lượng, thành tiền, họ tên người thanh toán, tên tài khoản (tài khoản hệ thống) người thành toán, hình thức thanh toán.
8. Lưu hóa đơn xuống CSDL.
9. Hiển thị cho Seller xem.
10. Gửi hóa đơn vào mail Seller.
11. Seller thực hiện thanh tóan (chưa rõ, vẫn đang requirement)
12. Sau khi thanh toán hệ thống kích hoạt shop user đã tạo

#### Dòng sự kiện phụ

1. Nếu user đã mua “Up” trước (chưa rõ đang requirement)
2. Các trường hợp sai dữ liệu các trường bắt buộc bị bỏ trống, dữ liệu mang ý nghĩa không phù hợp thuần phong mỹ tục sẽ có thông báo nhắc nhở.
3. Seller không điền đầy đủ thông tin cần thiết.
4. Hệ thống nhắc nhở Seller điền đầy đủ.
5. Seller điền thông tin cần thiết không hợp lệ, vi phạm các qui định của hệ thống. (mục 4 dòng sk chính) .
6. Hệ thống nhắc nhở Seller thực hiện lại.
7. Seller không điền slogan cho shop.
8. Hệ thống để slogan mặc định: “Chào mừng bạn đến với shop <<tên shop>>”
9. Seller không bổ sung “Thông tin liên hệ và hướng dẫn thanh toán”.
10. Hệ thống để trống mục đó.
11. Seller không tải ảnh làm banner quảng cáo.
12. Hệ thống để banner mặc định của hệ thống.
13. Seller tải ảnh không đúng kích thước hệ thống qui định.
14. Hệ thống khuyến cáo để Seller thay đổi.
15. Seller không thay đổi, hệ thống tùy chỉnh ảnh tùy ý .
16. Seller chưa hoàn tất việc đăng ký Mở Shop hoặc xảy ra sự cố trong quá trình thực hiện.
17. Sau 7 ngày, Seller chưa hoàn tất việc đăng ký Mở Shop
18. Hệ thống hủy thông tin về shop và việc đăng ký không thành công.
19. Sau 7 ngày kể từ lúc Seller đăng ký Mở Shop thành công, hệ thống chưa nhận được thanh toán hóa đơn từ phía Seller.
20. Hệ thống hủy shop và việc Mở Shop của Seller không thành công.
21. Hệ thống gửi mail thông báo Hủy Shop cho Seller.
22. Seller muốn mở thêm shop mới
23. Hệ thống yêu cầu Seller phải thỏa điều kiện.
24. - Mở Shop thứ 2: Seller phải có điểm trung bình >=80%, và điểm tích lũy >= 2.000 điểm
25. - Mở Shop thứ n: Seller phải có điểm trung bình >=80%, và điểm tích lũy >= n(n-1)điểm
26. (n-1): số shop và Seller hiện có, không phải là số shop Seller đã từng mở.
27. Seller hủy bỏ shop ????
28. Hệ thống hủy bỏ shop

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase seller tạo được shop mới, hoặc sẽ bị hủy shop

#### Điểm mở rộng: không có.

### Manage shop

#### Ký hiệu UC\_C22

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc quản lý shop

#### Actor: Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Seller chọn chức năng xem danh sách sản phẩm đã đăng

#### Dòng sự kiện phụ

Seller chỉnh sửa thông tin sản phẩm.Điều kiện để thực hiện dòng sự kiện phụ này là sản phẩm chưa được đưa lên sàn.

1. Seller chọn chức năng “Quản lý shop”
2. Hệ thống hiển thị danh sách các shop của Seller
3. Seller chọn shop và chọn xem “tình tình mua bán” của shop
4. Hệ thống hiển thị tình hình buôn bán của shop bao gồm thống kê: sản phẩm chưa đấu giá, sản phẩm đang đấu giá, sản phẩm đã đấu giá xong , số giao dịch thành công, lượt xem, số người tham gia đấu giá, lượt đăng sản phẩm còn lại.
5. Seller chọn xem “thông tin cơ bản” của shop
6. Hệ thống hiển thị tên shop, nhưng không cho Seller thay đổi.
7. Hệ thống hiển thị và cho phép Seller thay đổi các thông tin sau: hình đại diện shop, địa chỉ, tỉnh/thành, quận huyện, điện thoại, nick Yaho, nick Skype, email, khu vực bán, hình làm banner.
8. Seller thay đổi và chọn lưu thông tin.
9. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin trên và lưu lại xuống CSDL.
10. Seller chọn xem “thông tin bổ sung” của shop
11. Hệ thống hiển thị và cho phép Seller thay đổi các thông tin: slogan của shop, thông tin liên hệ và hướng dẫn thanh toán.
12. Seller thay đổi và chọn lưu thông tin.
13. Hệ thống lưu thông tin xuống CSDL.

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase người dùng có thể biết được các thông tin đã giao dịch trong vòng sáu tháng trước.

#### Điểm mở rộng: không có.

## User module

### Create account

#### Ký hiệu UC\_C03

#### Tóm tắt

Use case cho phép Khách đăng ký trở thành khách hàng thành viên, có thể tham gia đấu giá sản phẩm hay đăng sản phẩm để đấu giá.

#### Actor: Khách

#### Điều kiện tiên quyết: không có

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Khách muốn đăng ký làm thành viên của hệ thống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Khách** | **Hệ thống** |
| 1. Khách chọn chức năng đăng ký thành viên |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng ký cho Khách nhập dữ liệu vào. Gồm có: họ, tên, tên đăng nhập, email, nhập lại email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
| 1. Khách điền đầy đủ thông tin vào mẫu đăng ký, đồng ý với các điều khoản hệ thống đưa ra và đăng ký |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập, email, số điện thoại đã tồn tại chưa.   Kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin: họ, tên, email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông báo kết quả đăng ký thành công và lưu tạm thời thông tin Khách. 2. Hệ thống gửi vào mail của Khách tên đăng nhập, mật khẩu (tạo ngẫu nhiên).   Hệ thống yêu cầu Khách xác nhận thông tin đăng ký và khuyến cáo Khách đổi mật khẩu trong lần sử dụng đầu tiên. |
| 1. Khách xác nhận |  |
|  | 1. Hệ thống lưu thông tin Khách. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Tên đăng nhập đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách chọn Tên đăng nhập khác. |
| Email hoặc số điện thoại đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thống báo yêu cầu Khách kiểm tra lại email hoặc số điện thoại đã điền đúng chưa. Nếu Khách đã đăng ký vui lòng chọn chức năng lấy lại mật khẩu. |
| Khách nhập thiếu thông tin | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập đủ thông tin. |
| Thông tin về họ, tên, email, số điện thoại ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha không hợp lệ | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách khai báo chính xác (kèm theo hướng dẫn, ghi chú. VD: số điện thoại từ 10-11 số). |
| Sau 7 ngày mà Khách không xác nhận mật khẩu. | Hệ thống xóa thông tin tạm thời Khách đã đăng ký. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Khách đăng ký thành công và trở thành Thành Viên của hệ thống. Hệ thống cập nhật dưới CSDL.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Login

#### Ký hiệu UC\_C01

#### Tóm tắt

Use case cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống

#### Actor: Thành Viên

#### Điều kiện tiên quyết: đã là thành viên của hệ thống – có tài khoản trong hệ thống.

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Thành Viên muốn đăng nhập vào hệ thống

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Thành Viên** | **Hệ thống** |
| 1. Thành Viên chọn vào chức năng Đăng nhập |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |
| 1. Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra Tên đăng nhập, Mật khẩu được nhập và cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Thành Viên nhập sai Tên đăng nhập, Mật khẩu. | Hệ thống đưa ra yêu cầu để Thành Viên chọn lựa:   1. Nhập lại 2. Hệ thống gửi lại mật khẩu nếu Thành Viên quên mật khẩu. 3. Hủy bỏ đăng nhập   Nếu Thành Viên chọn:   1. ***Nhập lại***: hệ thống trở về đầu dòng sự kiện chính. 2. ***Lấy lại mật khẩu***: Hệ thống thực hiện usecase Lấy lại mật khẩu. 3. ***Hủy bỏ đăng nhập***: use case kết thúc với trạng thái hệ thống không thay đổi. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Nếu Thành Viên đăng nhập thành công, hệ thống cung cấp quyền tương ứng cho actor. Nếu không trạng thái hệ thống không thay đổi..

#### Điểm mở rộng: không có.

### Feed Back

#### Ký hiệu UC\_C10

#### Tóm tắt

Usecase cho phép người mua và seller đánh giá uy tín của nhau qua quá trình giao dịch.

#### Actor: Buyer, Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

* 1. Khi Seller nhận được thanh toán từ Buyer, Seller chọn chức năng Feedback
  2. Hệ thống hiển thị form cho phép Seller đánh giá giao dịch: Tốt hay Bình Thường và viết một dòng nhận xét ngắn về Buyer
  3. Seller đánh giá, viết nhận xét, và đồng ý.
  4. Hệ thống lưu vào CSDL cập nhật điểm feedback cho Buyer.

Với đánh giá Tốt: Tổng Điểm của Buyer được cộng thêm một điểm và Bình Thường: Buyer không được cộng thêm điểm nào.

Điểm Uy Tín = Tốt/Tổng Điểm

Hệ thống thay đổi sản phẩm Buyer tham gia đấu giá thành sản phẩm đấu giá thành công và cho phép Buyer được đánh giá Seller.

Hệ thống cập nhật giao diện: Tổng Feedback, điểm trung bình, lời nhận xét trên trang thông tin về Buyer, thêm chức năng Feedback trong Lược sử đấu giá của Buyer.

Hệ thống gửi mail chúc mừng Buyer đấu giá thành công và kèm theo lời nhắc nhở Buyer thực hiện Feedback.

* 1. Buyer chọn chức năng Feedback
  2. Hệ thống hiển thị form cho phép Buyer đánh giá giao dịch: Tốt , Bình Thường, Không Tốt; viết một dòng nhận xét ngắn về người bán hoặc sản phẩm đã mua; đánh giá chi tiết bằng cách chọn cấp độ sao từ 1-5 về 4 vấn đề trong giao dịch: sản phẩm Buyer nhận được có đúng như mô tả của Seller, thái độ của Seller trong vấn đề giải đáp thắc mắc về sản phẩm, thời gian giao hàng, phí vận chuyển.(cấp sao 1: thể hiện mức độ hài lòng của Buyer về Seller là thấp nhất, cấp sao 5: thể hiện mức độ hài lòng của Buyer về Seller là cao nhất.)
  3. Buyer đánh giá, viết nhận xét, đánh giá chi tiết 4 vấn đề trên và đồng ý.
  4. Hệ thống lưu vào CSDL cập nhật điểm feedback cho Seller.

Với đánh giá Tốt: Tổng Điểm của Seller được cộng thêm một điểm; Bình Thường: Seller không được cộng thêm điểm nào; Không Tốt: Seller bị trừ một điểm.

Điểm Uy Tín = Tốt/Tổng Điểm

Trung bình cấp sao cho mỗi vấn đề = cấp sao lần đánh giá này/tổng cấp sao

Hệ thống cập nhật giao diện: Tổng Feedback, điểm trung bình, lời nhận xét, trung bình sao trên trang thông tin Seller.

#### Dòng sự kiện phụ

1. Sau 15 ngày kể từ thời điểm hệ thống cho phép Buyer, Seller feedback. Buyer, Seller không feedback
   1. Hệ thống mặc định là ko feedback, điểm feedback bằng 0, chức năng feedback hủy.
2. Cách tính feedback:
   1. Tổng điểm: tốt +1; Bình Thường: 0; Không Tốt: -1
   2. Điểm Uy Tín: Tốt/Tổng điểm *(Tốt/(Tốt+Không Tốt))*
   3. Trung Bình Xếp Hạng Chi Tiết = Trung bình các lần xếp hạng trong mỗi lần đánh giá. Xếp hạng chi tiết độc lập với phần điểm và chỉ ở vai trò Seller mới có.

<<tham khảo Ebay>>

1. Buyer chọn mua sản phẩm ngay
   1. Hệ thống lưu thông tin và gửi cho Seller, phiên đấu giá vẫn bắt đầu bình thường, Buyer và Seller tự thỏa thuận, khi nào Seller đồng ý bán ngay cho Buyer thì Seller tự đóng phiên đấu giá.
2. Seller chọn đóng phiên đấu giá.
   1. Hệ thống đóng phiên đấu giá và ghi nhận thời gian kết thúc ngay lúc đóng.

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase buyer và seller đánh giá điểm của nhau thành công.

#### Điểm mở rộng: không có.

## Admin module

### Configure System

#### Ký hiệu UC\_C19

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Quản Trị chỉnh sửa thông tin email hệ thống (dùng trong việc gửi mail đến Khách hoặc các hoạt động thông báo), email ngân lượng (tiếp nhận các thông báo chuyển tiền từ ngân lượng) . Chỉnh sửa các tham số thời gian cho show sản phẩm của usecase [*Show Products*](#_Show_Products)

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn vào mục quản lý cấu hình hệ thống. Từ đây sẽ có sub-flow cho“cấu hình email ngân lượng và email hệ thống”

#### Configure email

Cách thực hiện cho cả 2 loại email tương tự

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình email tương ứng (email hệ thống / email ngân lượng). |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu gồm địa chỉ email và mật khẩu email. |
| 1. Người Quản Trị nhập thông tin mới và chọn cập nhật. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật CSDL. |
|  |  |
|  |  |

#### Configure Time

Luồng sự kiện dùng để cấu hình thời gian cho hiện “sản phẩm chuẩn bị lên sàn”, “sản phẩm chuẩn bị kết thúc đấu giá”

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình thời gian |  |
|  | Hệ thống hiển thị mẫu gồm thời gian giới hạn “sản phẩm chuẩn bị lên sàn”, và thời gian “sản phẩm chuẩn bị kết thúc đấu giá” |
| 1. Người Quản Trị nhập thông tin mới và chọn cập nhật. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật CSDL. |
|  |  |
|  |  |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thay đổi được thông tin email ngân lượng và email hệ thống, thông tin thời gian.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Manage Genre

#### Ký hiệu UC\_C17

#### Tóm tắt

Usecase dùng để người quản trị thêm xóa sửa các thể loại sản phẩm vào hệ thống. Một thể loại mang thông tin tên và mô tả của thể loại đó.

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn mục quản lý thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị ra một danh sách các thể loại đã có trước đây, và chức năng thêm xóa sửa một thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn thêm mới một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu nhập tên thể loại và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn đồng ý thêm mới |  |
|  | 1. Hệ thống tiếp nhận thông tin từ mẫu lưu xuống cơ sở dữ liệu |
| 1. Người Quản Trị chọn chức năng xóa một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu xác nhận |
| 1. Người Quản Trị đồng ý |  |
|  | 1. Hệ thống xóa thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn chỉnh sửa thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu chỉnh sửa với các thông tin của thể loại đã chọn gồm tên và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn “cập nhật” |  |
|  | 1. Hệ thống thực hiện cập nhật CSDL. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được một thể loại vào trong hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.